

Biểu số hóa giai đoạn từ năm 2021 đến 2024
Số liệu đến ngày 05/9/2024

STT	Tên đơn vị	Số hồ sơ cần số hóa	Số hồ sơ đã thực hiện số hóa	Tỷ lệ	Trạng thái hoàn thành
	Cấp huyện	4.707	4.216	89,57	Chưa hoàn thành
1	Văn phòng HĐND và UBND	2	2	100,00	Hoàn thành
2	Thanh tra huyện	9	9	100,00	Hoàn thành
3	Phòng Lao động TB,XH-DT	1.084	1.084	100,00	Hoàn thành
4	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	6	100,00	Hoàn thành
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	164	164	100,00	Hoàn thành
6	Phòng Văn hoá và Thông tin	131	131	100,00	Hoàn thành
7	Phòng Nội vụ	790	790	100,00	Hoàn thành
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	93	82	88,17	Chưa hoàn thành
9	Phòng Tài chính - kế hoạch	1.694	1.434	84,65	Chưa hoàn thành
10	Phòng Tư pháp	432	281	65,05	Chưa hoàn thành
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường	302	233	77,15	Chưa hoàn thành
	Cấp xã	41.999	41.960	99,9	Chưa hoàn thành
1	UBND xã Tràng Phái	1.405	1.405	100,00	Hoàn thành
2	UBND xã Liên Hội	1.439	1.439	100,00	Hoàn thành
3	UBND xã Hoà Bình	993	993	100,00	Hoàn thành
4	UBND xã Tú Xuyên	2.485	2.485	100,00	Hoàn thành
5	UBND xã Tri Lễ	3.922	3.922	100,00	Hoàn thành
6	UBND xã Trần Ninh	1.859	1.859	100,00	Hoàn thành
7	UBND xã An Sơn	3.767	3.767	100,00	Hoàn thành
8	UBND xã Khánh Khê	1.612	1.612	100,00	Hoàn thành
9	UBND xã Bình Phúc	2.370	2.370	100,00	Hoàn thành
10	UBND xã Đồng Giáp	1.767	1.767	100,00	Hoàn thành
11	UBND xã Tràng Các	2.540	2.540	100,00	Hoàn thành
12	UBND xã Diêm He	3.508	3.508	100,00	Hoàn thành
13	UBND xã Lương Năng	2.669	2.669	100,00	Hoàn thành

14	UBND xã Hữu Lễ	1.719	1.719	100,00	Hoàn thành
15	UBND xã Yên Phúc	2.098	2.098	100,00	Hoàn thành
16	UBND xã Tân Đoàn	2.920	2.920	100,00	Hoàn thành
17	UBND thị trấn VQ	4.926	4.887	99,21	Chưa hoàn thành
	Tổng	46.706	46.176	98,87	Chưa hoàn thành